

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49 /2025/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn và sử dụng xe ô tô cứu thương;

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư): Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác quy định tại Điều 2 Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là giá mua xe đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

3. Số lượng và mức giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là số lượng và mức giá tối đa. Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm giá mua không vượt quá mức tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này.

4. Trường hợp giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao hơn so với mức giá tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Lê Đoài

Phụ lục
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH NAM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 49 /2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Định mức (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
A	B	I	2	3	4
	TỔNG CỘNG		103		
I	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH		2		
1	Văn phòng Sở Y tế tỉnh Nam Định	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ kiểm tra giám sát các hoạt động ngành y tế, phục vụ công tác phòng chống dịch
		Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ	1	1.450.000	Xe phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP		101		
1	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.000.000	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
		Xe chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.000.000	Xe chuyên dùng để chuyển giao kỹ thuật
		Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	8	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế chuyên dùng trong lĩnh vực truyền nhiễm	1	700.000	Xe vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị y tế, rác thải
		Xe vận chuyển người bệnh	2	500.000	Xe điện phục vụ vận chuyển bệnh nhân trong nội bộ bệnh viện
		Xe lấy máu	1	2.500.000	Xe phục vụ cho việc lấy máu
2	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
3	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
4	Bệnh viện Phổi tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng	1	1.000.000	Xe chuyên dùng để chỉ đạo tuyến
5	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân

2

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Định mức (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
6	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	2	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
7	Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	2	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
9	Bệnh viện Da liễu tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	2	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
10	Bệnh viện Mắt tỉnh Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	3	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Hải Hậu	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	5	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm
12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	1.000.000	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	3	1.450.000	Xe phục vụ cho hoạt động phòng, chống dịch, kiểm nghiệm
		Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe chuyên dụng phục vụ tiêm chủng lưu động
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế	1	1.000.000	Xe vận chuyển trang thiết bị, vật tư, bảo quản vắc xin, sinh phẩm
		Xe xét nghiệm lưu động	1	15.000.000	Xe xét nghiệm lưu động phục vụ hoạt động phòng, chống dịch
13	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh Nam Định	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế	1	1.000.000	Xe vận chuyển mẫu thuốc

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Định mức (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
14	Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Nam Định	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi	1	1.500.000	Xe phục vụ công tác giám định pháp y, vận chuyển tử thi
15	Trung tâm Y tế Thành phố Nam Định	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
16	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hưng	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
17	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	3	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
18	Trung tâm Y tế huyện Nam Trực	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
19	Trung tâm Y tế huyện Hải Hậu	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Định mức (xe/đơn vị)	Mức giá tối đa (ngàn đồng/xe)	Mục đích sử dụng
20	Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
21	Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
22	Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	1.000.000	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
23	Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	4	1.500.000	Xe vận chuyển, cấp cứu bệnh nhân
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.450.000	Xe phục vụ phòng, chống dịch
24	Trường Trung cấp Y tế tỉnh Nam Định	Xe ô tô gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan	1	900.000	Phục vụ hoạt động đào tạo